TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 12 - 01 - 2023.

V/v ly hôn giữa chị K và anh K.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Ngọc Thu.

Bà Huỳnh Thị Thu Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Yến Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 339/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 144/2022/QĐST-DS ngày 27/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Đoan K, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số nhà 67, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Thành K, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số nhà 67, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số 03A, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Số 05B, đường H, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25 tháng 7 năm 2022 cùng các lần hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đoan K trình bày: Chị và anh K sau thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, được sự đồng ý của gia đình chị và anh K đã tổ chức đám cưới. Sau đám cưới chị và anh K có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh Vĩnh Long vào ngày 10/01/2007 và sau đó chị và anh K sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh K có người thứ ba, ngoài ra anh K còn nhậu nhẹt, không có chăm lo cho gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2016 đến nay chị và anh K đã không còn sống chung nữa, nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K đã không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Thành K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung tên là Đỗ Gia K, sinh ngày 26/8/2009 và Đỗ Phúc K, sinh ngày 24/6/2016. Hiện nay do chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con; yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/cháu.

Hiện nay chị làm kế toán, thu nhập mỗi tháng của chị khoảng 6.500.000 đồng. Hiện tại chị cùng các con đang ở trên phần đất của cha, mẹ ruột của chị, cha mẹ chỉ cho chị cất nhà ở tạm. Về tài sản chung, chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh K có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền là 30.000.000 đồng và nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 42.500.000 đồng. Trước đây, chị có yêu cầu giải quyết nợ, nay chị rút phần yêu cầu giải quyết nợ đối với Ngân hàng, vì chị không có vi phạm việc trả nợ và Ngân hàng cũng không có yêu cầu đối với chị.

Quá trình giải quyết vụ án, khi tham gia hòa giải anh K trình bày: Anh K và chị K sau thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, được sự đồng ý của gia đình thì anh và chị K đã tổ chức đám cưới. Sau đám cưới anh và chị K có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh Vĩnh Long vào ngày 10/01/2007. Đám cưới xong anh và chị K sống bình thường hạnh phúc, tuy nhiên anh có ăn nhậu với bạn bè hoặc vì tính chất công việc, anh cũng có quen bạn gái nhưng chỉ ở mức trai gái không có con chung. Hiện tại anh và chị K vẫn sống chung một nhà ở gia đình bên vợ, nay anh hứa sẽ thay đổi bản thân vì anh còn thương vợ thương con, anh không muốn ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Đoan K.

Về con chung: Anh và chị K có 02 con chung tên là Đỗ Gia K, sinh ngày 26/8/2009 và Đỗ Phúc K, sinh ngày 24/6/2016. Hiện nay đang sống chung với anh và chị K, trường hợp Tòa án giải quyết cho chị K ly hôn với anh thì anh đồng ý với yêu cầu của chị K, anh sẽ giao con chung cho chị K nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/cháu.

Về tài sản chung: Anh và chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị K có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 30.000.000 đồng và nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 42.500.000 đồng. Khi ly hôn anh tự nguyện chịu toàn bộ phần tiền nợ này vì chị K đứng ra vay để cho anh làm ăn, anh sẽ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 30.000.000 đồng và Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 42.500.000 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần S và Ngân hàng thương mại cổ phần V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do từ giai đoạn thụ lý thụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc các bên chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc Đoan K và anh Đỗ Thành K kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên chị K có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh K, anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, ngày 10/01/2023 chị K có đơn xin rút phần yêu cầu giải quyết nợ đối với Ngân hàng, nên đình chỉ giải quyết phần nợ là đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng) đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của các bên đương sự, thể hiện chị K và anh K có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 01 năm 2007. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc chị K và anh K sống ly thân. Qua hòa giải tại Tòa án chị K cương quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc chị K yêu cầu được ly hôn với anh K là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị K và anh K chung sống với nhau có 02 con chung tên

là Đỗ Gia K, sinh ngày 26/8/2009 và Đỗ Phúc K, sinh ngày 24/6/2016. Hiện nay do chị đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con sau khi ly hôn và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/cháu. Xét thấy, hiện nay các con chung là do chị K nuôi dưỡng và tại biên bản ghi lời khai ngày 07/11/2022 khi được hỏi ý kiến, cháu K có nguyện vọng sống với chị K. Nhằm tạo sự ổn định cho các cháu, xét yêu cầu của chị K về việc nuôi 02 người con chung là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình..

[4] Về cấp dưỡng: Chị K yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/cháu, tại biên bản hòa giải ngày 07/11/2022 anh K đồng ý yêu cầu của chị K, sự thỏa thuận của các bên không trái quy định của pháp luật, nên ghi nhận sự tự thỏa thuận của hai bên về việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, nên chị K phải nộp án phí sơ thẩm về việc xin ly hôn; anh K phải nộp án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[7] Khi phát biểu quan điểm về tố tụng, Kiểm sát viên có nhận xét, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt những quy định của pháp luật và vụ án được đưa ra xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc Đoan K ly hôn anh Đỗ Thành K (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06, ngày 10/01/2007).

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Đỗ Gia K, sinh ngày 26/8/2009 và Đỗ Phúc K, sinh ngày 24/6/2016 cho chị Nguyễn Ngọc Đoan K nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh K, nhưng nếu anh K lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh K.

3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự, về việc anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/tháng/người con (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án này có hiệu lực, pháp luật cho đến khi cháu K, cháu K thành niên (đủ 18 tuổi).

4. Về nợ:

Đình chỉ yêu cầu về giải quyết phần nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần S và Ngân hàng thương mại cổ phần V (nguyên đơn rút yêu cầu).

5. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Ngọc Đoan K nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm về việc xin ly hôn, trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0001488 ngày 15/9/2022, chị K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc anh Đỗ Thành K nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND Phường B, TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Giải quyết việc vắng mặt đương sự

Vào hồi 08 giờ 10 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Tại phòng nghị án.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Ngọc Thu.

Bà Huỳnh Thị Thu Vân.

Căn cứ Điều 235 và Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tiến hành họp giải quyết vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 339/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2022, về việc xin ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Đoan Trang, sinh năm 1981.

- Bị đơn: Anh Đỗ Thành Khương, sinh năm 1981.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

Xét thấy, Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt không lý do.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng khoản 1 Điều 227 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hoãn phiên tòa vụ án nêu trên. Phiên tòa được mở lại lúc 08 giờ 00 phút, ngày 12/01/2023.

Kết quả biểu quyết 3/3 ý kiến, không có ý kiến khác.

Biên bản kết thúc lúc 08 giờ 30 phút cùng ngày và đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**